



EVN*CHP*
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

CHẤT LƯỢNG – **H**IỆU QUẢ – **P**HÁT TRIỂN



EVNCHP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
MIỀN TRUNG

1.1 Thông tin khái quát

• **Tên giao dịch**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung.
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: EVNCHP.
- Tên tiếng Anh: Central Hydropower Join Stock Company

• **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:** 3203000503

- Đăng ký lần đầu: 13/12/2004
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3: 05/05/2008

• **Vốn điều lệ:** 1.200.000.000.000 đồng

• **Vốn đầu tư của CSH :** 1.200.000.000.000 đồng

• **Địa chỉ:** KCN Đà Nẵng, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

• **Số điện thoại :** 05113.959.110

• **Số fax :** 05113.935.960

• **Website :** www.chp.vn

• **Mã chứng khoán :** CHP



1.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn xây dựng các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (ngoài địa bàn thành phố).

1.2.2 Địa bàn kinh doanh



Huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế



Dự án thủy điện A Lưới đã được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1605/CP-CN ngày 18/10/ 2005 và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho phép triển khai tại văn bản số 3475/UBND-CN ngày 17/5/2006. Dự án đã được HĐQT EVNCHP phê duyệt tại Quyết định số 10/2006/QĐ-CHP-HĐQT ngày 5/8/5006 và phê duyệt Thiết kế kỹ thuật giai đoạn 2 tại Quyết định số 136/2006/QĐ-CHP-HĐQT ngày 20/8/2007.

Nhà máy thủy điện A Lưới trên sông A Sáp nằm trong địa phận huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế, cách trung tâm thành phố Huế 70Km theo Quốc lộ 49 về



hướng Tây. Thủy điện A Lưới là công trình kiểu đường dẫn, kênh dẫn nước xuất phát từ đuôi hồ A Lưới nối với cửa lấy nước sát phía tây đường Hồ Chí Minh, đường hầm và đường ống áp lực dài hơn 12Km dẫn nước vào nhà máy thủy điện. Công trình có nhiệm vụ chính cung cấp điện năng lên lưới điện quốc gia với tổng công suất lắp máy 170MW, điện lượng trung bình hàng năm 649 triệu KWh.

Nhà máy thủy điện A Lưới đã được khởi công xây dựng vào ngày 30 tháng 6 năm 2007 và vận hành phát điện vào ngày 21 tháng 5 năm 2012.

EVNCHP: 10 năm xây dựng và phát triển



Cách đây 10 năm, ngày 30/11/2004, Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung (EVNCHP) chính thức được thành lập bởi các cổ đông sáng lập: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Nam), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung), Công ty Điện lực TP. Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (nay chuyển giao cho Tổng Công ty Phát điện 1) để đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện A Lưới, công suất 170 MW tại huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vươn lên từ gian khó

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, vượt qua nhiều khó khăn thách thức, với sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của tập thể lãnh đạo và CBCNV, EVNCHP đã đạt được những kết quả tốt trong các mặt hoạt động của mình. Những ngày đầu thành lập, bộ máy nhân sự của EVNCHP chỉ có 12 người, với rất nhiều bỡ ngỡ trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của vùng núi cao nơi đầu tư dự án thủy điện A Lưới. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo EVNCHP đã xác định

nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển giai đoạn 2005 - 2007 là thiết lập hệ thống quản trị và thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

Cùng với nỗ lực, quyết tâm của toàn thể CBCNV và các đơn vị tư vấn; sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, Ban ngành, địa phương, các cổ đông sáng lập, EVNCHP đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đặt ra là hoàn thiện lập và trình phê duyệt báo cáo đầu tư, được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư và hoàn tất các thủ tục để đến ngày 30/6/2007, công trình Thủy điện A Lưới được khởi công xây dựng, đánh dấu một sự

chuyển bước quan trọng trong việc đầu tư dự án và là một mốc son trong quá trình xây dựng, trưởng thành của nhà máy Thủy điện A Lưới và Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung hôm nay.

Nếu như giai đoạn 2005 - 2007 được xem là sự khởi đầu của chiến lược phát triển lần thứ nhất, thì từ 2007 - 2012 được xem là chiến lược phát triển lần thứ hai - giai đoạn đầu tư xây dựng dự án. Kể từ ngày khởi công, một đại công trường xây dựng được mở ra với biết bao gian nan thử thách, có lúc tưởng chừng không thể vượt qua. Kinh tế thế giới giai đoạn 2008 - 2010 rơi vào suy thoái, trong nước giá cả biến động mạnh, lãi suất và lạm phát ở mức cao, Chính phủ thắt chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát, dự án có những lúc gần như bị chững lại do các nhà thầu không tiếp cận được các nguồn vốn vay. Bên cạnh đó, Huyện A Lưới - địa bàn EVNCHP đầu tư dự án nằm ở vùng biên giới, núi cao, điều kiện đi lại khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, lượng mưa trung bình hàng trên 3.400 mm là một thách thức lớn cho công tác xây dựng, điều kiện địa chất công trình phức tạp, thường xuyên bị sạt lở, thêm vào đó đơn vị phải liên tiếp chống chọi với những cơn bão, lũ lịch sử, làm tiến độ dự án bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Nhớ lại giai đoạn khó khăn nhưng đầy quyết tâm này, Tổng giám đốc EVNCHP Trương Công Giới cho biết: “Từ chủ đầu tư đến các nhà thầu thi công xây lắp, từ tư vấn thiết kế đến tư vấn giám sát chất lượng công trình và các đơn vị liên quan khác đã ra sức thi đua lao động, sản xuất với khát vọng dõng non, lấp bể, vượt qua khó khăn thách thức của thiên nhiên, khắc phục khó khăn tài chính với tinh thần dám nghĩ, dám làm để hoàn thành đầu tư dự án”.

Đến ngày 1/5/2012, hoàn thành nạp nước đường hầm, dòng chảy chuyển qua đường hầm phục vụ quay máy phát điện chạy thử không tải tổ máy 1 vào 3 giờ 43 phút ngày 10/5/2012.

Ngày 20/5/2012, hoàn thành chạy thử 72 giờ tổ máy 1 và chính thức phát điện thương mại. Đây là thời khắc lịch sử quan trọng đánh dấu sự chuyển mình từ công tác đầu tư xây dựng cơ bản sang giai đoạn sản xuất kinh doanh của EVNCHP.

Khẳng định thương hiệu

Sau 10 năm hoạt động, đến nay số vốn điều lệ lên đến 1.200 tỷ đồng (*tăng 2,4 lần so với khi thành lập*); đã có 6 phòng nghiệp vụ, 1 nhà máy thủy điện A Lưới với tổng sản lượng điện bình quân hằng năm trên 590 triệu kWh.



Ngày 16/4/2014, EVNCHP đã chuyển niêm yết từ sàn UPCOM lên HNX. EVNCHP đã niêm yết 120 triệu cổ phiếu, trở thành doanh nghiệp thủy điện thứ 6 lên niêm yết và lọt vào TOP những doanh nghiệp có vốn điều lệ lớn của HNX và trở thành công ty đại chúng, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng; thương hiệu EVNCHP đã được khẳng định trên thị trường.

Nhìn lại chặng đường 10 năm xây dựng và trưởng thành với bao khó khăn gian khổ, để đạt được thành tích đáng tự hào như hôm nay là cả một quá trình phấn đấu, rèn luyện lâu dài; sự đoàn kết nhất trí cao của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty; sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo của đơn vị sáng lập, của HĐQT và sự tín nhiệm, ủng hộ của các đơn vị trong và ngoài ngành. Ghi nhận những nỗ lực của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty, trong những năm qua, Công ty đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp như: Giấy khen EVNCPC; bằng khen EVN, Bộ Công Thương, UBND các tỉnh thành phố Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, bằng khen Thủ tướng Chính phủ... đặc biệt, Công ty đã vinh dự được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba - phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng.

Kể từ khi phát điện đến nay, EVNCHP đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia trên 1.250 triệu kWh điện, doanh thu đạt 1.200 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước hơn 190 tỷ đồng.

Ngày nay, tại khu vực dự án thủy điện A Lưới, những buôn làng hiu hắt giữa núi rừng Trường Sơn đang thay da đổi thịt từng ngày, những ngôi nhà mới, trường học, đường giao thông, trạm xá đã được xây dựng ngay trung tâm các khu tái định cư, thuận tiện cho sinh hoạt và học tập của con em đồng bào địa phương.

Bên cạnh hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, các hoạt động đoàn thể cũng được Công ty chú trọng, phong trào văn hoá thể thao được tổ chức đều đặn, thu hút đông đảo CBCNV tham gia. Quyền lợi cho người lao động được đảm bảo. Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.



Hy vọng rằng, với những thành quả đã đạt được và sự chung sức đồng lòng của toàn thể CBCNV, EVNCHP sẽ có những bước đột phá, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và Công ty, góp phần xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.

1.3 Những dấu ấn hoạt động



2004: Công ty được thành lập ngày 30/11/2004 với mức vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ



2005: Công ty được chính phủ cấp phép đầu tư dự án nhà máy thủy điện A Lưới có công suất 170MW, tổng đầu tư dự án là 3.234 tỷ đồng



2006: Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam chính thức trở thành cổ đông sáng lập công ty thay thế CTCP Xây Lắp Điện 1. Tháng 12 năm 2006 công ty quyết định tăng vốn điều lệ 1.200 tỷ



2007: Công ty chính thức triển khai khởi công dự án Nhà máy thủy điện A Lưới



2008: Công ty ký hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng, tổng giá trị 2.023 tỷ đồng



2009: Tháng 04 năm 2009, công ty tổ chức lễ chặn sông A Sáp với sự chứng kiến của Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải.

2010: Cổ phiếu công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CHP.



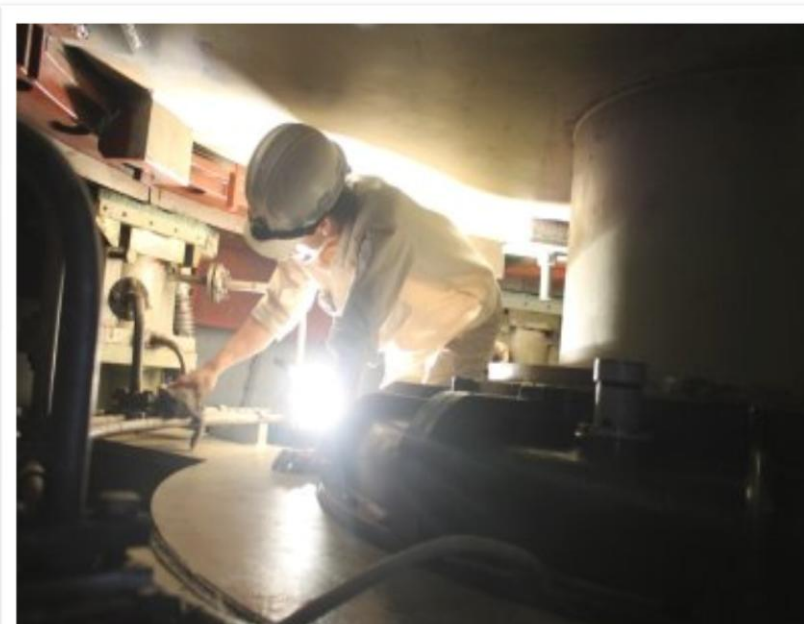
2011: Công ty lần lượt hoàn tất các hạng mục công trình như Thông hầm tuyến công trình thủy điện A Lưới, đóng cống dẫn dòng.



Hạ Rotor máy số 1



2012: Công ty đã tổ chức lễ mừng phát điện Nhà máy thủy điện A Lưới.



2013: Nhà máy thủy điện A Lưới vận hành an toàn, hoàn thành tốt công tác tiêu tu 2 Tổ máy và các hệ thống đi kèm.



2014: Công ty thực hiện kế hoạch đưa cổ phiếu CHP chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).



Ngày 30/10/2014 tại Hà Nội, EVNCHP và Công ty Mua Bán Điện đã ký phụ lục điều chỉnh cơ cấu giá bán điện cho nhà máy thủy điện A Lưới

1.4 Bộ máy quản lý



**TRƯỞNG CÔNG GIỚI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ QUÝ ANH TUẤN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÂM UYÊN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HUỲNH MAI
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



1.5 Định hướng chiến lược phát triển công ty từ 2015 - 2020:

Tầm nhìn:

Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung phát triển bền vững, trở thành một trong những công ty cổ phần hoạt động sản xuất, kinh doanh điện hiệu quả nhất khu vực miền Trung.

❖ Sứ mệnh:

Cung cấp điện đảm bảo chất lượng điện năng, đề cao tinh thần hợp tác bền vững đối với cổ đông và đối tác. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, hiệu quả và nhân văn, có trách nhiệm với xã hội.

❖ Các mục tiêu chiến lược đến cuối năm 2020:

- Vận hành phát điện: Đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn về người, công trình và thiết bị nhằm đạt sản lượng điện trung bình nhiều năm thiết kế 649 triệu kWh.
- Thị trường điện:
 - Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, khai thác tối ưu hồ chứa đạt doanh thu cao nhất với giá bán điện bình quân hàng năm cao hơn giá hợp đồng.
 - Trở thành đơn vị bán buôn điện và ký được hợp đồng bán/mua điện song phương với đơn vị mua/bán điện trong năm 2017-2019.
- Đầu tư dự án: Đầu tư một hoặc hai dự án thủy điện thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên.
- Tăng doanh thu, lợi nhuận: Từ hoạt động sản xuất, kinh doanh điện, đầu tư tài chính, hoạt động khác và tối ưu hoá chi phí nhằm đạt cổ tức hàng năm trên 10%

1.6 Các rủi ro

Không chủ động được kết quả sản lượng sản xuất điện do nguồn nước về lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu càng nghiêm trọng và không lường trước được

02. Tình hình hoạt động

2014





1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

Trong năm 2014 EVNCHP lập kế hoạch sản xuất ứng với tần suất 50% nhưng lượng nước về thực tế chỉ ứng với tần suất 90% do vậy sản lượng năm 2014 chỉ đạt 95% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên với sự phấn đấu, nỗ lực hết sức mình để hoàn thành các mục tiêu được HĐQT đề ra, Ban Lãnh đạo EVNCHP đã điều hành hết sức quyết liệt, bám sát kế hoạch để điều hành đồng bộ các khâu, chiến lược chào giá phù hợp và cơ cấu lại giá điện nên mặc dù sản lượng không đạt nhưng doanh thu và lợi nhuận vẫn vượt kế hoạch đề ra, tổn thất máy biến áp và tự dùng tiết kiệm hơn

Lợi nhuận sau thuế đạt 213,07 tỷ đồng.

STT	Nội dung	ĐV	TH 2013	Năm 2014		TH 2014 2013	TH/ KH 2014
				KH	TH		
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	619,460	607,853	575,025	92,83%	95%
2	Điện tự dùng và Tổn thất MBA	%	0,73%	1,0%	0,8%		
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	615,495	601,775	571,176	92,8%	95%
4	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	537.970	527.432	641.522	119,2%	122%
5	Tổng Chi phí	Triệu đồng	412.005	412.170	428.452	103,7%	104%
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	125.965	115.262	213.070	170%	185%
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	125.965	115.262	213.070	170%	185%



Các hoạt động và tình hình thực hiện các dự án

2.1 Hoạt động ĐTXD năm 2014

EVNCHP xác định hoạt động đầu tư năm 2014 thực hiện ở mức tiết kiệm nhất có thể, chỉ những hạng mục nào thực sự cần thiết phục vụ sản xuất mới thực hiện đầu tư:

- Hoàn thành các gói thầu duy tu bảo dưỡng, đầu tư xây dựng năm 2014, gói thầu xử lý mái chính diện nhà máy đáp ứng tiến độ đề ra trước mùa mưa bão 2014.

- Hoàn thành công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới khu vực Cửa Nhận Nước, khu vực nhà máy, bảo vệ lòng hồ, công tác đo chuyển vị chu kỳ 2, kiểm định an toàn đập và đánh giá lũ lụt hạ lưu sau 2 năm vận hành công trình

- Hoàn thành bàn giao các hạng mục công trình khu TĐC-ĐC huyện A Lưới quản lý: Nhà ở, đường giao thông, đường dây điện, hệ thống thủy lợi...(trừ hệ thống cấp nước sinh hoạt); Các hạng mục công trình phục hồi trả lại cho địa phương trong khu vực lòng hồ: Bãi chôn lấp rác và đường vào bãi chôn lấp rác, nâng cao trình giao thông các đoạn tại xã Hồng Thái, Sơn Thủy, Hồng Thượng và cầu qua kênh xả phục vụ giao thông.

2.2 Tình hình thực hiện các dự án mới:

Dự án thủy điện Đăk Drinh2: EVNCHP đã hiệu chỉnh phương án kỹ thuật để hạn chế tối đa ảnh hưởng diện tích các loại đất và dân sinh trong khu vực. Phương án đã báo cáo đến tất cả các sở ban ngành tỉnh Quảng Ngãi và nhận được sự nhất trí cao. Hiện nay Công ty đang tiến hành khảo sát lựa chọn phương án đấu nối cho nhà máy, hiệu chỉnh giấy phép đầu tư và làm việc với địa phương cho triển khai hợp đồng DTM. Trong thời gian tới EVNCHP tiếp tục cập nhật tổng mức, đánh giá chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật, tính toán phương án huy động vốn cho dự án để báo cáo HĐQT.

Ngoài ra công ty đã đi thực địa kiểm tra thực tế các dự án: thủy điện Sông Nam, Sông Bắc và thủy điện Đakrong4



Nhân sự & chính sách
cho người lao động



1. Ban điều hành công ty

**Ông Trương Công Giới****Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Quảng Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi - thủy điện; Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Ông bắt đầu công tác tại Ban Quản lý công trình thủy điện An Điền từ năm 1985, đến năm 1992 ông được chuyển về công tác tại phòng Quản lý xây dựng Công ty Điện lực 3. Từ năm 1997 đến 2004 ông được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng tại Công ty Điện lực 3: Phó trưởng Ban Quản lý dự án Thủy điện Ayun Hạ, Phó trưởng phòng Quản lý xây dựng, Trưởng phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3.

Từ năm 2005 đến nay ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

Đại diện phần vốn Công ty CP Thủy điện miền Trung: 15.563.505 cổ phần.

Sở hữu cá nhân: 53.800 cổ phần.

Sở hữu của người có liên quan: 15.000 cổ phần.

**Ông Lâm Uyên****Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1961

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Ban quản lý công trình thủy điện An Điền thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng từ năm 1985 – 1991. Từ năm 1992 ông chuyển công tác sang Ban quản lý công trình thủy điện Ialy và đến năm 1994 ông đảm nhiệm các vị trí: Chuyên viên Phòng Tài chính Công ty Điện lực 3, Kế toán trưởng Ban quản lý Dự án lưới điện thuộc Công ty Điện lực 3.

Từ năm 2005 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

Sở hữu cá nhân: 65.000 cổ phần.

**Ông Lê Quý Anh Tuấn****Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1969

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hệ thống Điện

Quá trình công tác:

Từ năm 1992 đến 2007 ông công tác tại Công ty Thủy điện Trị An – Huyện Vĩnh Cửu – Tỉnh Đồng Nai, đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ca, Phó quản đốc, Quản đốc, Trưởng phòng Kế Hoạch – Kỹ Thuật.

Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy điện miền Trung từ năm 2007 đến nay

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

Sở hữu cá nhân: 35.000 cổ phần.

**Ông Huỳnh Mai****Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông công tác tại phòng tài chính – Công ty Điện lực 3 từ năm 1993 đến năm 2004 và năm 2005 được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

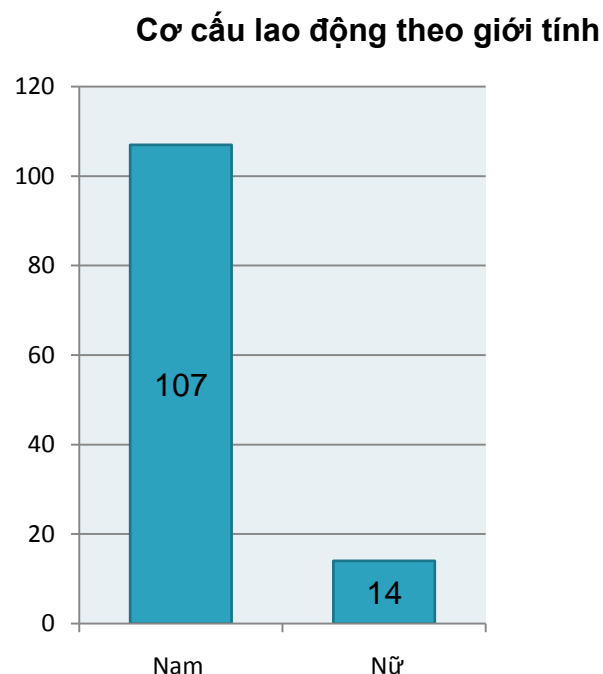
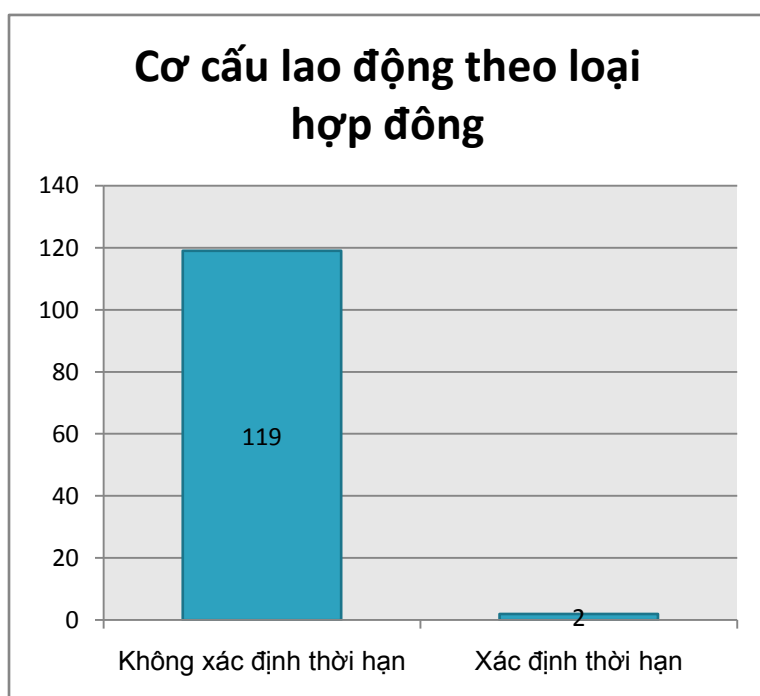
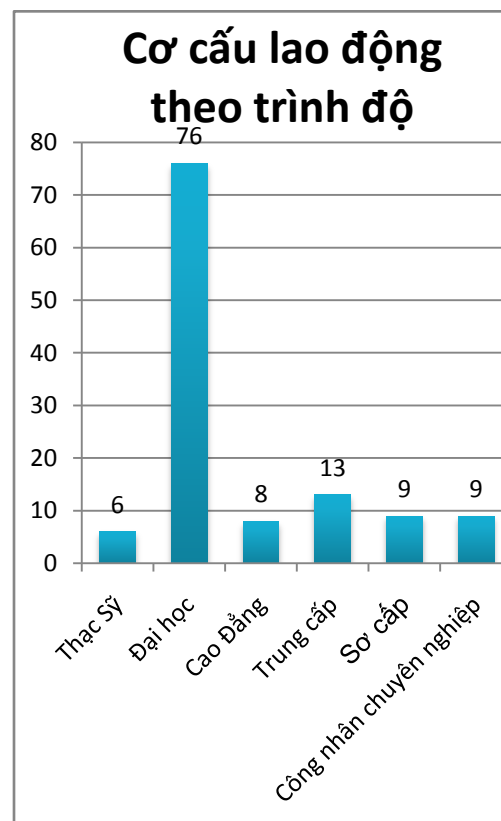
Sở hữu cá nhân: 40.000 cổ phần.

Người có liên quan: 25.000 cổ phần



2. Nhân sự công ty:

Tiêu chí	SL (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	121	100
- Thạc sỹ	6	5,0
- Đại học	76	62,8
- Cao Đẳng	8	6,6
- Trung cấp	13	10,8
- Sơ cấp	9	7,4
- Công nhân chuyên nghiệp	9	7,4
Theo loại hợp đồng	121	100
- Không xác định thời hạn	119	98,3
- Xác định thời hạn	2	1,7
Theo giới tính	121	100
- Nam	107	88,4
- Nữ	14	11,6





Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với ngành nghề hoạt động. Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động là đảm bảo quyền lợi của người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Trả lương theo khối lượng, chất lượng lao động, hiệu quả công việc và tính trách nhiệm của từng người trên cơ sở chuyên môn, kỹ thuật kinh nghiệm quản lý và vai trò đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ trong công ty.
- Lương được trả theo kết quả, hiệu quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Chính sách thưởng:

Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái, tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Phúc lợi:

Hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho thăm quan, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí ... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)



3. Tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.408.804	3.321.660	- 3%
Doanh thu thuần	528.415	626.484	19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	126.003	206.114	64%
Lợi nhuận khác	- 39	6.956	
Lợi nhuận trước thuế	125.965	213.069	69%
Lợi nhuận sau thuế	125.965	213.069	69%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,68	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,59	0,83
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,21	57,22
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	171,82	133,75
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	8,32	4,55
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,16	0,19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,84	34,01
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	10,30	15,93
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân	%	3,74	6,33
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	23,85	32,90



4. Cổ đông:

Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 120.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 120.000.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
I	Cổ đông trong nước	4.296	119.870.400	1.198.704.000	99,89
1	Cổ đông Nhà nước	4	72.100.910	721.009.100	60,09
2	Cổ đông tổ chức	8	7.494.780	71.932.600	6,25
3	Cổ đông cá nhân	4.284	40.274.710	402.747.100	33,56
II	Cổ đông nước ngoài	6	129.600	1.296.000	0,11
1	Cá nhân	6	129.600	1.296.000	0,11
2	Tổ chức	-	-	-	-
	Tổng cộng	4.302	120.000.000	1.200.000.000	100

Cơ cấu cổ đông lớn:

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ CP (%)
1	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	27.563.505	275.635.050	22,97
2	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	27.563.505	275.635.050	22,97
3	Tổng công ty Điện lực Hà Nội	10.712.100	107.121.000	8,93
4	Tổng công ty Phát điện 1	6.261.800	62.618.000	5,22
5	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	6.000.000	60.000.000	5,00

(Ghi chú: thời điểm chốt danh sách số liệu cổ đông là ngày 04/04/2014)



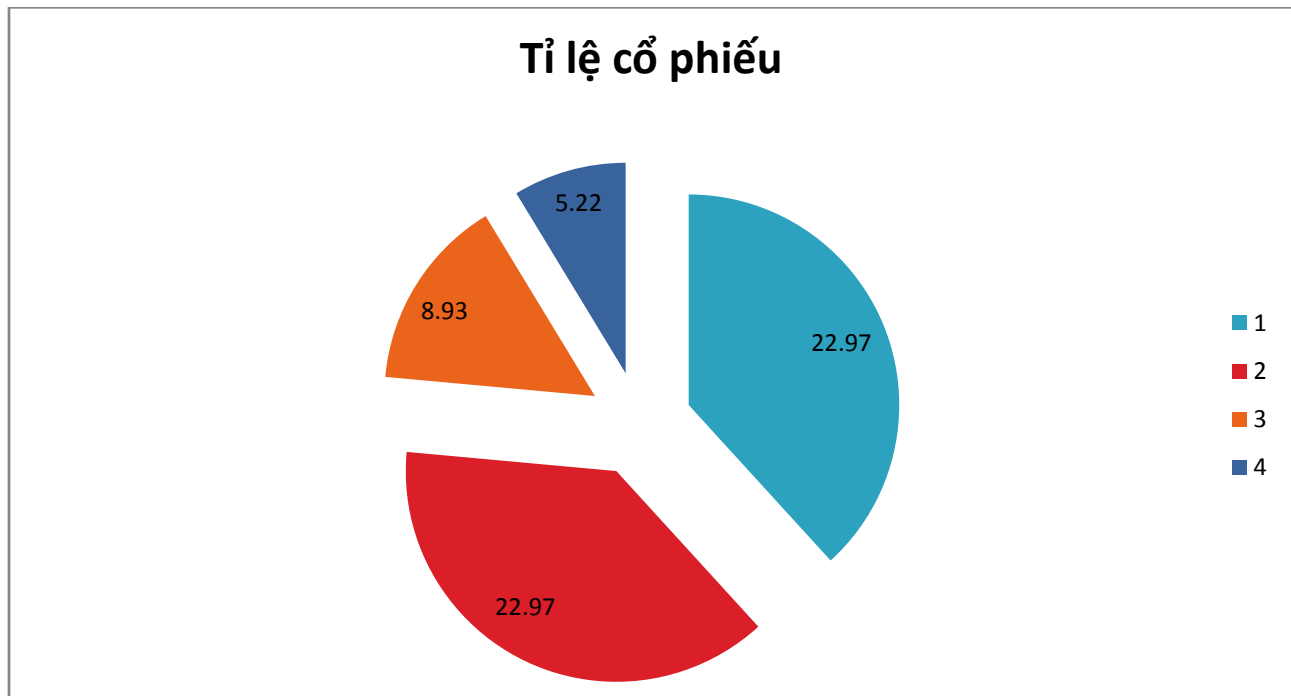
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ CP (%)
1	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	27.563.505	275.635.050	22,97
2	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	27.563.505	275.635.050	22,97
3	Tổng công ty Điện lực Hà Nội	10.712.100	107.121.000	8,93
4	Tổng công ty Phát điện 1	6.261.800	62.618.000	5,22



(Ghi chú: thời điểm chốt danh sách số liệu cổ đông là ngày 04/04/2014)

**BÁO CÁO
BAN GIÁM ĐỐC**





1. Hoàn thành vượt chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh

Năm 2014 tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, lãi suất giảm nhưng lại là một năm bất lợi và thử thách trong sản xuất thủy điện ở khu vực miền Trung nói chung và thủy điện A Lưới nói riêng do lượng nước về thấp khá nhiều so với trung bình nhiều năm. Trong năm 2014, EVNCHP lập kế hoạch sản xuất ứng với tần suất 50% nhưng lượng nước về thực tế chỉ ứng với tần suất 90% do vậy sản lượng năm 2014 chỉ đạt trên 90% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên với quyết tâm hoàn thành các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đề ra, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo EVNCHP đã điều hành hết sức quyết liệt, bám sát kế hoạch để có các giải pháp điều hành đồng bộ các khâu nhờ đó kết quả SXKD năm 2014 rất khả quan, mặc dù sản lượng không đạt nhưng doanh thu và lợi nhuận vẫn vượt kế hoạch đề ra

Doanh thu đạt 641,5 tỷ đồng (đạt 121,7% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt 213,07 tỷ đồng (đạt 184,86 % kế hoạch)

- Năm 2014 EVNCHP quyết toán được 42 gói thầu với giá trị 1.640 tỷ đồng (trong đó quyết toán điều chỉnh giá EVNCHP đã lập dự toán theo quy định điều chỉnh giá của EVNCHP và kiểm toán đã xem xét là 113 tỷ đồng). Lũy kế đến cuối năm 2014 dự án A Lưới quyết toán được 207 hợp đồng với tổng giá trị quyết toán 3.565 tỷ đồng và đã hoàn thành công tác quyết toán dự án Thủy điện A Lưới.





2. Tối ưu hóa chi phí



Tăng Doanh thu

Trong năm 2014 công tác chào giá đã tối ưu doanh thu từ 02 chiến lược chính, đó là chiến lược phát ít hoặc không phát để hưởng doanh thu CFD và chiến lược bán khả năng sẵn sàng của tổ máy vì vậy doanh thu bán điện khi tham gia thị trường điện cao hơn doanh thu tính theo đơn giá hợp đồng là 47 tỷ đồng.

Giảm chi phí

Giảm tổn thất máy biến áp và tự dùng trong vận hành nhà máy điện: trong năm 2014 tổn thất máy biến áp và tự dùng thấp hơn so với hợp đồng mua bán điện đã ký và so với kế hoạch đề ra.

Vận hành các nhà máy điện An toàn, ổn định, tin cậy: Trong năm 2014 EVNCHP không xảy ra sự cố, các thiết bị vận hành ổn định và kịp thời đáp ứng mọi chế độ vận hành của Điều độ hệ thống điện.

Tự thực hiện tiêu tu 02 tổ máy; tiêu tu hệ thống các thiết bị đập tràn, cửa nhận nước; thay thế lưới chắn rác tiết kiệm chi phí.

Tối ưu hóa đầu tư xây dựng:

Công tác quyết toán bám sát tiến độ đề ra đến nay đã quyết toán xong giá trị các gói thầu theo đơn giá hợp đồng. Công tác quyết toán điều chỉnh giá hiện nay còn nhiều vướng mắc do nhà thầu không thống nhất với EVNCHP về áp dụng các hướng dẫn của EVN về công tác điều chỉnh giá, đánh giá tiến độ để xác nhận khối lượng được điều chỉnh giá, khối lượng chậm tiến độ không được điều chỉnh giá. Tuy nhiên EVNCHP đã lập dự toán điều chỉnh giá theo quy định điều chỉnh giá của EVNCHP, chuyển kiểm toán xem xét và đã hoàn thành kiểm toán.



3. Công tác quản lý, mua sắm vật tư

Công ty đã áp dụng phần mềm FMIS vào quản lý vật tư, các vật tư thu hồi trong quá trình đầu tư dự án được định giá đưa vào nhập kho, tổ chức đấu thầu, mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kịp thời cho sản xuất. Công tác kiểm kê kho thực hiện định kỳ theo đúng quy định. Trong năm 2014 EVNCHP đã tiến hành thanh lý 02 lô hàng (Trung tâm dịch vụ bán Đấu giá tài sản TP Đà Nẵng là đơn vị được Ủy quyền tổ chức đấu giá) kết quả đấu giá như sau:

Thanh lý tài sản Đường dây và các trạm biến áp hàm phụ 3,4,TĐA và đường dây cấp điện thi công tại đập tràn: Sau hai phiên đấu giá không thành công (khách hàng không tham gia đấu giá). Phiên đấu giá lần 3 thành công, khách hàng trúng đấu giá: Công ty CP Kỹ thuật Hạ tầng Năng Lượng 711. Giá trị thanh lý tài sản 703 triệu đồng.

Thanh lý tài sản tài sản Lô dầu thải BP Turbinol X 32: khách hàng trúng đấu giá là HTX Thương mại và Dịch vụ Phúc Lợi. Giá trị thanh lý tài sản 198 triệu.

4. Hợp đồng mua bán lượng giảm phát thải



Dự án CDM đăng ký thành công từ 20/11/2012. EVNCHP đã thực hiện công tác giám sát theo quy trình giám sát dự án CDM và đã phối hợp với đơn vị tư vấn để lập báo cáo giám sát cho lượng CER do dự án phát ra từ ngày 20/11/2012 đến 30/9/2014 và đơn vị thẩm định đã tiến hành thẩm tra báo cáo giám sát từ ngày 15 đến 16/12/2014. Dự kiến lượng CER của năm 2012 sẽ được giao cho người mua vào năm 2015.



5. Công tác tài chính và công tác quản lý cổ đông

Đối với nguồn vốn vay VDB: EVNCHP đàm phán và được VDB chấp thuận cho trả nợ gốc các khoản nợ có mức lãi suất cao trước rồi mới đến các mức lãi suất thấp hơn và kéo dài thời gian trả nợ thêm hai năm nữa.

Đối với nguồn vốn vay Agribank Sài Gòn: EVNCHP đã làm việc và được Agribank Sài Gòn chấp thuận giảm lãi suất cho vay từ 11,4%/ năm xuống còn 10%/ năm thời gian áp dụng từ ngày 1/4/2014.

Tháng 4 năm 2014 cổ phiếu CHP đã chính thức niêm yết tại sàn giao dịch HNX

EVNCHP đã công bố thông tin kịp thời về tình hình của Công ty theo đúng quy định UBCK Nhà nước và sàn giao dịch HNX.

Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2014, hoàn thành các thủ tục để niêm yết cổ phiếu CHP trên sàn HNX

6. Công tác cơ cấu giá điện

Căn cứ hướng dẫn thông tư 41/TT-BCT, qua quá trình làm việc với Cục Điều tiết Điện lực, Bộ Công thương và các đơn vị có liên quan EVNCHP đã được Cục Điều Tiết điện lực chấp thuận cho EVNCHP cơ cấu lại giá điện. Ngày 30/10/2014 tại Hà Nội, EVNCHP và Công ty Mua Bán Điện đã ký phụ lục điều chỉnh cơ cấu giá bán điện cho nhà máy thủy điện A Lưới theo đó giá bán điện mỗi mùa được cơ cấu lại tăng 122,33 đồng/Kwh so với giá hợp đồng đã ký (giá điện mới mùa khô: 962.33 đồng/Kwh, mùa mưa: 795.33 đồng/Kwh) và thời hạn hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2014 đến 12/2021.





7. Công tác xã hội

Bên cạnh công tác chuyên môn EVNCHP tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội: tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung lần thứ XI năm 2014; Tổ chức đêm hội trăng rằm và phát quà cho 122 cháu là con của CBCNV nhân dịp tết trung thu, tham gia công tác dân vận hè 2014, tham gia diễu hành bằng xe đạp tuyên truyền tiết kiệm điện do đoàn Tổng công ty Điện lực miền Trung tổ chức, tham gia hiến máu tình nguyện, tổ chức giải tennis, bóng đá, cờ tướng và diễu hành xe đạp nhân ngày kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty và đón nhận huân chương lao động hạng 3.

Mặc dù đời sống CBCNV còn nhiều khó khăn nhưng thấm nhuần đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, CBCNV Công ty luôn nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội, phong trào đền ơn đáp nghĩa, tham gia quỹ tương trợ xã hội và thực hiện tốt công tác phụng dưỡng Mẹ VNAH. Ngoài ra CBCNV đã đóng góp tiền lương của mình xây dựng nhà tình nghĩa tại thôn Tu Vay, xã Hồng Thái, huyện A Lưới, hỗ trợ cho gia đình cố đoàn viên Mai Văn Hà thuộc phòng Quản lý xây dựng đã qua đời vì bệnh hiểm nghèo, ủng hộ Chi đội kiểm ngư 2 bảo vệ biển đảo, tặng quà tết cho các hộ dân đang sống trong khu tái định cư của Công trình thủy điện A Lưới...





Năm 2015 cộng đồng ASEAN hình thành, nền kinh tế đất nước hồi phục sẽ tạo ra nhiều cơ hội và cũng không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Phát huy lợi thế so sánh của mình, Công ty cũng đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 nhằm mở rộng sản xuất, tăng khả năng cung ứng điện cho hệ thống điện quốc gia cả về công suất lắp máy và sản lượng điện, qua đó tăng doanh thu và lợi nhuận hàng năm



8. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Vận hành phát điện đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn về người, công trình thiết bị nhằm đạt sản lượng điện trung bình nhiều năm thiết kế 649 triệu kWh.

Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, khai thác tối ưu hồ chứa đạt doanh thu cao nhất với giá bán điện bình quân hàng năm cao hơn giá hợp đồng. Trở thành đơn vị bán buôn điện và ký được hợp đồng bán/mua điện song phương với đơn vị mua/bán điện trong năm 2017-2019.

Đầu tư dự án: Đầu tư một hoặc hai dự án thủy điện thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Tăng doanh thu lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh doanh điện, đầu tư tài chính, hoạt động khác và tối ưu hóa chi phí nhằm đạt cổ tức hàng năm trên 10%.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ không ngừng nâng cao năng lực quản trị, điều hành phấn đấu trở thành một trong những Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh điện hiệu quả nhất khu vực miền Trung



Báo cáo quản trị

HĐQT cùng với Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực, phấn đấu, chủ động giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT theo qui định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt trọng tâm của năm 2014 toàn thể CBCNV công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao đảm bảo nhà máy Thủy điện A Lưới vận hành ổn định và cung cấp điện an toàn liên tục lên hệ thống điện Quốc gia.



1. Hoàn thành kế hoạch

Với quyết tâm hoàn thành kế hoạch công tác được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2014, HĐQT đã tổ chức và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công ty điều hành hết sức quyết liệt, đồng bộ các khâu trong dây chuyền sản xuất nhờ đó mà kết quả năm 2014 đã hoàn thành và vượt kế hoạch.

Hoàn thành kế hoạch doanh thu: 527 tỷ đồng

Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận : 115 tỷ đồng.

Hoàn thành quyết toán Dự án Thủy điện A Lưới.

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	607.853	575.025	94,59 %
Điện tụt dòng và tổn thất MBA	%	1%	0,4 % 0,4 %	
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	601.775	571.176	94,92 %
Tổng doanh thu	Triệu đồng	527.432	641.522	122 %
Tổng chi phí	Triệu đồng	412.170	428.452	104 %
Lợi nhuận	Triệu đồng	115.262	213.070	185 %



2. Hội đồng quản trị quyết nghị theo thẩm quyền các vấn đề cơ bản sau:

01.

- Thông qua Báo cáo của Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ Công ty năm 2013 và kế hoạch hoạt động SXKD của Công ty năm 2014.

02.

- Tổ chức kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thành công tốt đẹp và triển khai tạm ứng cổ tức sau khi Công ty đã hoàn thành các thủ tục với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo đúng qui định.

03.

- Hoàn thành thủ tục Bổ nhiệm và Miễn nhiệm nhân sự bổ sung cho Hội đồng quản trị theo đúng trình tự trong Điều lệ Công ty, Bộ qui chế quản trị Công ty và qui định của Nhà nước.

04.

- Thẩm định tổng mức đầu tư và quyết toán công trình Thủy điện A Lưới: HĐQT đã thành lập Tổ giúp việc, giao cho Ban kiểm soát trực tiếp chỉ đạo để thẩm định tổng mức đầu tư, thẩm định hồ sơ quyết toán công trình Thủy điện A Lưới trước khi trình HĐQT phê duyệt.

05.

- Thông qua nội dung hợp đồng mua bán điện sửa đổi với Công ty mua bán điện – EVN và hợp đồng tín dụng sửa đổi với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

06.

- Phê duyệt chi phí và điều chỉnh kế hoạch sản xuất công ty phù hợp.

07.

Thù lao của Chủ tịch, Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt trong năm 2014 là 624 triệu đồng, tương tự như năm 2013.



3. Đánh giá của HĐQT về

Ban giám đốc

- Việc giám sát hoạt động đối với Ban Giám đốc điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước, của Điều lệ Công ty và phân cấp Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị thường xuyên gặp gỡ trao đổi công việc.

- Ban Giám đốc Công ty trong công tác điều hành đã bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng phân cấp, phân quyền trong Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị và trong Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, các Nghị

quyết của Hội đồng quản trị. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết Ban Giám đốc Điều hành Công ty đều xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để tổ chức thực hiện.

Trong năm 2014 Ông Trương Công Giới – Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành công ty đạt hiệu quả, tiết kiệm chi phí, hoạt động đúng Pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác, đặc biệt với chính quyền nhiều địa phương.





4. Kế hoạch của Hội đồng quản trị



Xây dựng thương hiệu EVNCHP thành một thương hiệu vững mạnh.

Tiếp tục hỗ trợ nhằm đảm bảo đời sống của người dân trong khu vực, hạn chế tối đa thiệt hại hay ảnh hưởng từ nhà máy thủy điện tác động đến đời sống dân cư, củng cố uy tín và hình ảnh công ty với người dân cũng như các cấp chính quyền địa phương.

Hội đồng quản trị duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường nhằm đảm bảo hoạt động của công ty, xử lý kịp thời các trường hợp bế tắc và đưa ra định hướng hoạt động phù hợp cho công ty.

Tiếp tục khai thác các dự án đã hoàn tất, đầu tư các dự án mới góp phần phát triển kinh tế khu vực và đảm bảo an sinh xã hội.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ
1	Phạm Ngọc Lễ	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Kim Hùng	TV HĐQT
3	Nguyễn Hữu Phương	TV HĐQT
4	Trương Công Giới	TV HĐQT
5	Nguyễn Tuấn Anh	TV HĐQT
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT



**Phạm Ngọc Lễ:****Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long

CMND: 023785452

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sỹ
Quản trị kinh doanh

- 02/1985 - 11/1987: Cán bộ kỹ thuật Sở Điện lực Cửu Long
- 11/1987 - 01/1992: Phó Chi nhánh – Điện lực Trà Vinh
- 01/1992 - 05/1992: Trưởng Chi nhánh – Điện lực Trà Vinh
- 05/1992- 05/1998: Phó Giám đốc – Điện lực Trà Vinh
- 05/1998 - 04/2010: Phó Giám đốc – Công ty Điện lực 2
- 04/2010 đến nay : Phó Tổng Giám đốc – Tổng công ty Điện lực miền Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 22.050.804 cổ phần
 - Cá nhân: 1.005.000 cổ phần
- Người có liên quan: 111.000 cổ phần

**Lê Kim Hùng****TV HĐQT**

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Đà Nẵng

CMND: 201108258

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

- 8/1990 – 02/1992: Chuyên viên phòng Tổ chức – Lao động Công ty Điện lực 3
- 3/1992 – 12/1993 : Phó trưởng phòng Tổ chức – Lao động Công ty Điện lực 3
- 01/1994 – 6/2000: Trưởng phòng Tổ chức – Lao động Công ty Điện lực 3
- 07/2000 – 4/2010 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực 3
- 04/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Tổng công ty Điện lực miền Trung

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 12.000.000 cổ phần
- Cá nhân: 15.000 cổ phần

**Nguyễn Hữu Phương****TV HĐQT**

Năm sinh: 1955

Nơi sinh: Vĩnh Long

CMND: 020610029

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- 03/1978 - 12/1980: Cán bộ Kế toán – Ban Thiết kế điện Công ty Điện lực 2
- 01/1981 - 10/1988: Phó phòng TCKT – XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 11/1988 - 01/1991: Trưởng phòng TCKT - XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 02/1991 - 10/1998: Kế toán trưởng - XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 11/1998 - 15/07/1999: Phó phòng TCKT Công ty Điện lực 2
- 16/7/1999 - 30/12/2006: Kế toán trưởng - Công ty Điện lực 2
- 01/01/2007 - 4/2010: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty Điện lực 2
- 4/2010 đến nay : Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng công ty điện lực miền Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 30.000 cổ phiếu

**Nguyễn Tuấn Anh****TV HĐQT**

Năm sinh: 1972

Nơi sinh: Hà Nam

CMND: 168006871

Trình độ chuyên môn: KS Hệ thống điện, Cử nhân Kinh tế, Ths Quản trị kinh doanh

- 7/2002 - 9/2008: Chuyên viên Ban Lao động tiền lương, Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- 10/2008 - 12/2012: Chuyên viên Ban Tổ chức và Nhân sự Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- 01/2013 đến nay: Trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự Tổng công ty Phát điện 1

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 6.261.800 cổ phần
- Cá nhân: 8.250 cổ phần

**Nguyễn Anh Tuấn****TV HĐQT**

Năm sinh: 1967

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 011795173

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

8/1990 - 6/1994: CV phòng Kế hoạch Sở Điện lực Hà Nội

- 6/1994 - 2/1996: CV phòng Xây dựng cơ bản Công ty điện lực thành phố Hà Nội
- 2/1996 - 12/1996: Phó trưởng phòng Xây dựng cơ bản Công ty ĐL Hà Nội
- 12/1996 - 08/1998: Tổ trưởng Tổ đấu thầu Công ty điện lực Hà Nội
- 08/1998 - 08/2000: Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty ĐL Hà Nội
- 8/2000 - 3/2003: Phó trưởng ban Quảng lý dự án Công ty ĐL Hà Nội
- 3/2003 - 7/2008: TP Kế hoạch Công ty Điện lực Hà Nội
- 7/2008 - 3/2010: PGĐ Công ty Điện lực thành phố Hà Nội
- 4/2010 - 20/20/2013: Phó tổng giám đốc Tổng công ty điện lực Hà Nội
- 21/10/2013 đến nay: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 10.720.100
- Cá nhân: 8.000 cổ phần



2. Hoạt động của hội đồng quản trị

Các cuộc họp hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu trữ theo đúng quy định

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Miễn nhiệm chủ tịch HĐQT từ tháng 8	02	30%
2	Ông Nguyễn Hữu Tâm	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ tháng 8	02	30%
3	Ông Phạm Ngọc Lễ	Chủ tịch	03	70%
4	Ông Lê Kim Hùng	Thành viên	03	70%
5	Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên	05	100%
6	Ông Trương Công Giới	Thành viên	05	100%
7	Ông: Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	05	100%
8	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	05	100%





Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ-CHP - HĐQT	12/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT Đánh giá CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2013. - Phê duyệt kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2014. - Hoàn thành Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013 và phương án nhiệm vụ SXKD năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014. - Giao Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thành viên HĐQT thẩm tra trình Chủ tịch phê duyệt Kế hoạch tiền lương công ty 2014. - Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014. - Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013. - Công ty lấy ý kiến HĐQT sửa đổi hoàn chỉnh điều lệ trình Đại hội cổ đông thường niên 2014. - Thống nhất uỷ quyền cho Tổng giám đốc điều hành xử lý hiện tượng mất ổn định mái chính diện nhà máy hoàn thành trước lũ tiểu mãn 2014. - Công ty tính toán lại bài toán kinh tế và cân đối nguồn tiền đầy đủ trình HĐQT xem xét để thanh toán cho Nhà thầu. - Thống nhất phê duyệt gói thầu 05B/TB-AL: Mua sắm công cụ sửa chữa cơ khí và vật tư thiết bị điện Nhà máy thủy điện A Lưới. - Ban kiểm soát rà soát lại Báo cáo kiểm tra hoạt động công ty năm 2013 và Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.



2	02/2014/NQ- EVNCHP- HĐQT	7/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất một số nội dung về Xử lý hiện tượng mất ổn định mái chính diện nhà máy. - Thống nhất đề nghị của công ty về giá cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 16/4/2014.
3	01/2014/NQ- EVNCHP- ĐHCD	14/03/2014	<ol style="list-style-type: none"> 1- Thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC. 2- Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014: Doanh thu: 527 tỷ đồng, lợi nhuận 115 tỷ đồng, 3- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2013. 4- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung năm 2013. 5- Thông qua việc phân phối lợi nhuận Công ty năm 2013. 6- Thông qua việc trình đại hội đồng cổ đông chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014. 7- Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 8- Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT. <ol style="list-style-type: none"> 8.1 Miễn nhiệm ông Trần Đức Hùng – Nguyên Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội - Thành viên HĐQT công ty. 8.2 Bầu bổ sung ông Nguyễn Anh Tuấn – Tổng Giám đốc - Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội – Thành viên HĐQT công ty. 9- Thông qua chế độ thù lao HĐQT và BKS năm 2014 vẫn giữ như mức thù lao năm 2013 với tổng số tiền là 624 triệu đồng. 10- Thông qua việc hủy giao dịch tại Upcom và niêm yết cổ phiếu của Công ty tại HNX.



4	03/2014/NQ- EVNCHP-HĐQT	24/07/2014	<ol style="list-style-type: none">1.Đánh giá tình hình SXKD công ty năm 2014.2.Đánh giá kết quả xử lý hiện tượng mất ổn định mái chính diện nhà máy.3.Thống nhất hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cà phê A Lưới.4.Thống nhất chủ trương tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập công ty và đón nhận Huân chương lao động hạng 3.5.Thống nhất chủ trương làm việc với Bộ Công thương và EVN về việc điều chỉnh giá điện.6. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch đấu thầu.7. Miền nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
---	------------------------------------	-------------------	---



5	04/2014/NQ- EVNCHP-HĐQT	15/10/2014	<p>1. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao về sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty trong 9 tháng đầu năm 2014 đã phấn đấu hoàn thành một số nhiệm vụ được giao.</p> <p>Kế hoạch năm 2014: Thống nhất theo đề xuất của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoàn thành kế hoạch doanh thu 527.432 tỷ đồng. * Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 115 tỷ đồng. * Hoàn thành quyết toán dự án Thủy điện A Lưới. <p>2. Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn từ năm 2015-2020 có xét đến 2030: Đề nghị Công ty rà soát lại các ý kiến tham gia đóng góp của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng ngành nghề phát triển Công ty. Trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực hiện có của Công ty. - Đào tạo và đào tạo lại cán bộ phù hợp với điều kiện phát triển và mở rộng hoạt động Công ty. - Tổ chức duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện với các phương thức tự thực hiện và kết hợp giữa tự thực hiện với thuê dịch vụ sửa chữa bên ngoài. <p>3. Thống nhất phê duyệt kết quả đàm phán điều chỉnh giá điện và dự thảo hợp đồng do Công ty trình, HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng mua bán điện với Công ty Mua Bán điện thuộc EVN. HĐQT thống nhất cho Công ty sử dụng quỹ khen thưởng để trích thưởng cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài Công ty đã giúp Công ty thực hiện tốt công việc này.</p> <p>4. Chương trình kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty 30/11/2004-30/11/2014 và đón nhận Huân Chương Lao động hạng III; Công ty rà soát lại khách mời tham dự và công tác chuẩn bị cuối cùng báo cáo Hội đồng quản trị vào kỳ họp trong tháng 11/2014.</p>
----------	------------------------------------	-------------------	--



5	04/2014/NQ- EVNCHP- HĐQT	15/10/2014	<p>5. Công tác điều chỉnh giá các gói thầu – Công trình Thủy điện A Lưới Công ty thực hiện đầy đủ trình tự và thủ tục do Nhà nước qui định và trình Hội đồng quản trị phê duyệt toàn bộ chi phí này.</p> <p>6. Thống nhất thông qua danh sách nhân sự Lãnh đạo công ty được bổ nhiệm lại do Tổng Giám đốc công ty trình, giao cho Công ty hoàn chỉnh các thủ tục theo qui định để HĐQT chính thức bổ nhiệm trong kỳ họp tới.</p> <p>7. Thống nhất phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng các gói thầu phục vụ sản xuất năm 2015.</p> <p>8. Giao cho Tổ Thẩm định quyết toán của HĐQT tiếp nhận hồ sơ quyết toán đợt 4 do Công ty trình, tổ chức thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình HĐQT phê duyệt.</p> <p>9. Thống nhất phê duyệt hỗ trợ 50 triệu đồng để Công ty tham gia đóng góp di dời trường học cho nhân dân bản I Reo – huyện K Lùm – tỉnh Sê Công - Lào.</p> <p>10. Công ty xây dựng Kế hoạch năm 2015 gồm: Kế hoạch lao động tiền lương năm 2014, Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty 2015, Kế hoạch đầu tư xây dựng 2015, Kế hoạch chi phí năm 2015, Kế hoạch Bảo hộ Lao động năm 2015 trình HĐQT xem xét và thảo luận trong kỳ họp lần sau.</p> <p>11. Phương án bàn giao hệ thống nước sinh hoạt trong khu TĐC-ĐC cho địa phương quản lý và khai thác: Hội đồng quản trị thống nhất theo đề xuất của Công ty cụ thể như sau:</p> <p>11.1 Công ty hỗ trợ chi phí với giá trị sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt trong khu TĐC – ĐC với số tiền 336 triệu đồng.</p> <p>11.2. Làm việc với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế để có phương án giải quyết khối lượng bổ sung theo đề nghị của đơn vị nhận bàn giao để đầu tư xây dựng nhằm ổn định chất lượng công trình và vận hành lâu dài hệ thống nước sinh hoạt trong khu TĐC-ĐC.</p>
---	--------------------------------	------------	---



5	04/2014/NQ- EVNCHP-HĐQT	15/10/2014	<p>12. Dự án đầu tư mới, Hội đồng quản trị đề nghị:</p> <p>12.1 Công ty tiếp tục nghiên cứu Dự án Thủy điện ĐăkDrinh 2 – tỉnh Quảng Ngãi với hình thức đấu nối lưới điện 110 kV.</p> <p>12.2 Tiếp tục nghiên cứu Dự án Thủy điện Sông Bồ báo cáo Hội đồng quản trị trong kỳ họp lần sau.</p> <p>13. Thống nhất sự cần thiết phải cơ cấu lại nợ với các Ngân hàng và giao cho Tổng Giám đốc làm việc với các Ngân hàng để có cơ sở báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt.</p> <p>14. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán AAC lập báo cáo kiểm toán quyết toán các gói thầu xử lý mất ổn định mái thượng lưu Nhà máy Thủy điện A Lưới. Giao cho Tổng Giám đốc đàm phán chi phí và ký hợp đồng.</p> <p>15. Giao cho Tổng Giám đốc xây dựng và rà soát qui chế xây dựng, trình duyệt kế hoạch tiền lương trình HĐQT xem xét vào kỳ họp lần sau.</p>
6	04-BS/2014/NQ- EVNCHP-HĐQT	12/11/2014	<p>1. Thống nhất phương án tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập công ty và đón nhận Huân chương lao động hạng 3, chi phí dự kiến là 700.182.000 đồng.</p> <p>2. Bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo công ty gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p>



3. Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Giám sát công tác sản xuất kinh doanh: Ban lãnh đạo công ty tuân thủ quyết định của Đại hội đồng cổ đông, triển khai đúng tinh thần các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra, đảm bảo công tác vận hành nhà máy, xử lý sự cố kịp thời. Kết quả kinh doanh năm 2014 hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.
- Giám sát công tác tài chính: năm 2014 công ty không thực hiện tăng vốn, báo cáo tài chính công ty được kiểm toán đầy đủ và kịp thời
- Giám sát chí phí hoạt động năm 2014 của công ty được Ban kiểm soát thẩm định nhằm đảm bảo tính phù hợp, đảm bảo lợi ích cổ đông trước khi thông qua Hội đồng quản trị.



Thành viên Ban kiểm soát

STT	Tên	Chức vụ
1	Ngô Tấn Hồng	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Thang Thanh Hà	TV Ban Kiểm Soát
3	Trần Văn Thương	TV Ban Kiểm Soát

Ngô Tấn Hồng

Trưởng ban kiểm soát



Năm sinh: 1965

Nơi sinh: Đà Nẵng

CMND: 200833028

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

- 10/1986 - 06/1988: CV Kế toán – XN vận tải thủy sản, Trạm tiếp nhận vận chuyển thủy sản Cam Ranh
- 7/1988 - 2/1992: Kế toán trưởng, Phó phòng kế hoạch Trạm tiếp nhận vận chuyển thủy sản Cam Ranh
- 3/1992 - 4/2002: CV Kế toán tại phòng Tài chính – Công ty Điện lực 3
- 5/2002 - 3/2010: Phó trưởng phòng Tài chính – Công ty Điện lực 3
- 3/2010 đến nay: Kiểm soát viên trưởng Tổng công ty điện lực miền Trung

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

Cá nhân: 37.500 cổ phiếu

Người có liên quan: 75.000 cổ phiếu

**Thang Thanh Hà****Thành viên ban kiểm soát**

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 022649613

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi – Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- 1986 - 1993: Công tác tại Trung tâm năng lượng thuộc Công ty Điện lực 2 (nay là Công ty tư vấn thiết kế điện 3)
- Tham gia khảo sát xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35kV
- Tham gia xây dựng Thủy điện: Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận Đa Mi
- Tham gia xây dựng đường dây 500kV 1994 - 4/2010: Công tác tại Phòng Thanh tra BV Pháp chế Công ty Điện lực 2
- 4/2010 đến nay: Trưởng ban Thanh tra bảo vệ Tổng công ty điện lực miền Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu

Trần Văn Thương**Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1968

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 150823717

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1989 - 1998: Phó phòng Kế hoạch - Vật tư Điện lực Hai Bà Trưng, Công ty Điện lực Hà Nội
- 1990 - 2010: Phó phòng Tổ chức Lao động - Công ty Điện lực Hà Nội
- Từ 2010 đến nay: Kiểm soát viên trưởng Tổng công ty điện lực Hà Nội

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 30.000 cổ phiếu



4. Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Thù lao theo tháng	Tổng thù lao năm 2014	Tỷ lệ thù lao/LNST
1	Hội đồng quản trị	46.000.000	480.000.000	
	Phạm Ngọc Lễ	10.000.000	50.000.000	Giữ chức chủ tịch HĐQT từ tháng 8
	Nguyễn Thành Duy	10.000.000	70.000.000	Thôi giữ chức chủ tịch HĐQT vào tháng 8
	Nguyễn Hữu Tâm	6.000.000	42.000.000	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ tháng 8
	Nguyễn Hữu Phương	6.000.000	72.000.000	
	Lê Kim Hùng	6.000.000	30.000.000	Được bổ nhiệm thành viên HĐQT từ tháng 8
	Trương Công Giới	6.000.000	72.000.000	
	Nguyễn Tuấn Anh	6.000.000	72.000.000	
	Nguyễn Anh Tuấn	6.000.000	72.000.000	
2	Ban kiểm soát	12.000.000	144.000.000	
	Ngô Tấn Hồng	6.000.000	72.000.000	
	Thang Thanh Hà	3.000.000	36.000.000	
	Trần Văn Thương	3.000.000	36.000.000	



WALLOPATERNEWS.COM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24 tháng 11 năm 2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13 tháng 12 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 01: ngày 28/9/2005, lần thứ 02: 14/3/2007, lần thứ 03: 05/05/2008).

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 156/QĐ-SGDHN ngày 03/04/2014 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CHP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/04/2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.200.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014: 1.200.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0511.3703310
- Số fax: 0511.3935960
- Website: www.chp.vn



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn xây dựng các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (địa điểm ngoài địa bàn Thành phố);
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm;
- Nạo vét lòng hồ;
- Nuôi trồng thủy sản và trồng rừng;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 120 người. Trong đó cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)****Hội đồng quản trị**

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Phạm Ngọc Lễ | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/07/2014 |
| • Ông Nguyễn Thành Duy | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010
Miễn nhiệm ngày 24/07/2014 |
| • Ông Nguyễn Hữu Phương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010 |
| • Ông Trương Công Giới | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2013 |
| • Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/12/2013 |
| • Ông Lê Kim Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/07/2014 |
| • Ông Nguyễn Hữu Tâm | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010
Miễn nhiệm ngày 24/07/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Tấn Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010 |
| • Ông Thang Thanh Hà | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010 |
| • Ông Trần Văn Thương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2010 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trương Công Giới | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2014 |
| • Ông Lâm Uyên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2014 |
| • Ông Lê Quý Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 17/05/2013 |
| • Ông Huỳnh Mai | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/12/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

***Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc***

Trương Công Giới

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Số: 114/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/02/2015, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		431.860.162.014	368.133.554.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	115.109.134.402	117.109.954.647
1. Tiền	111		32.191.954.365	3.640.091.766
2. Các khoản tương đương tiền	112		82.917.180.037	113.469.862.881
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.274.479.174	188.179.144.274
1. Phải thu khách hàng	131		263.927.703.147	179.670.224.113
2. Trả trước cho người bán	132		222.869.838	3.099.925.569
3. Các khoản phải thu khác	135	6	158.764.102	5.443.251.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(34.857.913)	(34.257.400)
IV. Hàng tồn kho	140		51.941.227.846	47.344.426.834
1. Hàng tồn kho	141	7	51.941.227.846	47.344.426.834
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		535.320.592	15.500.028.482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	14.129.317	14.900.000.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	224.316.271	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	296.875.004	600.028.482
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.889.800.045.562	3.040.670.420.838
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.878.480.733.260	3.030.339.960.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.873.780.668.092	3.025.639.894.835
- Nguyên giá	222		3.289.120.155.017	3.288.402.013.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(415.339.486.925)	(262.762.118.546)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		45.000.000	45.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.000.000)	(45.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	4.700.065.168	4.700.065.168
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.319.312.302	10.330.460.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.319.312.302	10.330.460.835
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.321.660.207.576	3.408.803.975.075

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.900.601.099.646	2.154.726.420.079
I. Nợ ngắn hạn	310		455.377.609.312	539.502.929.745
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	170.000.000.000	140.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		131.698.226.644	176.286.809.659
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	31.327.286.978	20.173.409.590
4. Phải trả người lao động	315		6.979.588.898	1.060.608.712
5. Chi phí phải trả	316	17	86.933.109.515	146.967.860.563
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	17.529.660.198	50.348.956.451
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.909.737.079	4.665.284.770
II. Nợ dài hạn	330		1.445.223.490.334	1.615.223.490.334
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	1.445.223.490.334	1.615.223.490.334
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.421.059.107.930	1.254.077.554.996
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.421.059.107.930	1.254.077.554.996
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(265.296.519)	(265.296.519)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	33.207.782.523	11.900.813.629
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	20	16.603.891.261	5.950.406.814
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	171.512.730.665	36.491.631.072
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.321.660.207.576	3.408.803.975.075

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
CHỈ TIÊU**

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	-	6.166,05
- EUR	100,27	101,15
2. Nợ khó đòi đã xử lý	34.257.000	-

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập biểu**

Trương Công Giới

Huyền Mai

Nguyễn Thế Nhật

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	626.484.328.598	528.414.619.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		626.484.328.598	528.414.619.633
4. Giá vốn hàng bán	11	22	225.688.342.944	197.393.358.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		400.795.985.654	331.021.261.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.066.365.920	9.180.212.657
7. Chi phí tài chính	22	24	167.204.544.425	190.896.164.746
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>167.204.294.239</i>	<i>190.650.204.414</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.544.113.059	23.301.903.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		206.113.694.090	126.003.405.483
11. Thu nhập khác	31	25	6.971.152.473	375.159.226
12. Chi phí khác	32	26	15.157.627	413.722.353
13. Lợi nhuận khác	40		6.955.994.846	(38.563.127)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	213.069.688.936	125.964.842.356
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	213.069.688.936	125.964.842.356
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.776	1.050

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập biểu****Trương Công Giới****Huỳnh Mai****Nguyễn Thế Nhật***Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	213.069.688.936	125.964.842.356
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	152.577.368.379	149.932.367.755
- Các khoản dự phòng	03	600.513	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	250.186	170.613
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.066.242.621)	(9.123.649.530)
- Chi phí lãi vay	06	167.204.294.239	190.650.204.414
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	524.785.959.632	457.423.935.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(79.182.754.264)	(85.279.341.115)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.998.504.256)	(753.122.956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11	22.888.107.955	13.720.590.849
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.002.980.784)	(8.498.487.788)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(152.304.294.239)	(195.017.982.198)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.500.000	5.035.546.611
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.855.183.693)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	297.341.850.351	186.631.139.011
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(95.028.226.721)	(89.579.436.605)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	(35.363.127)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.316.473.111	9.791.565.211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.711.753.610)	(79.823.234.521)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	65.712.222.233	189.944.422.349
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(205.712.222.233)	(327.785.375.901)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.630.666.800)	(15.194.219.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(212.630.666.800)	(153.035.173.052)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.000.570.059)	(46.227.268.562)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	117.109.954.647	163.337.393.822
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(250.186)	(170.613)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	115.109.134.402	117.109.954.647

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập biểu****Trương Công Giới****Huỳnh Mai****Nguyễn Thế Nhật**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24 tháng 11 năm 2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13 tháng 12 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 01: ngày 28/9/2005, lần thứ 02: 14/3/2007, lần thứ 03: 05/05/2008).

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 156/QĐ-SGDHN ngày 03/04/2014 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CHP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/04/2014.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn xây dựng các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (địa điểm ngoài địa bàn Thành phố);
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm;
- Nạo vét lòng hồ;
- Nuôi trồng thủy sản và trồng rừng;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành. Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho (thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện) được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản cố định khác	5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4.6 Tài sản cố định vô hình*****Tài sản cố định vô hình khác***

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2013 đến năm 2016 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2017 đến 2025;
 - ✓ Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành.
- Miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (từ năm 2012 đến năm 2026);
- Miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4.13 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	189.934.000	28.052.000
Tiền gửi ngân hàng	32.002.020.365	3.612.039.766
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	82.917.180.037	113.469.862.881
Cộng	115.109.134.402	117.109.954.647

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu	158.764.102	408.994.592
Phải thu khác	-	5.034.257.400
Cộng	158.764.102	5.443.251.992

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.192.502.550	32.278.552.383
Công cụ, dụng cụ	3.748.725.296	15.065.874.451
Cộng	<u>51.941.227.846</u>	<u>47.344.426.834</u>

(*) Trong tổng giá trị hàng tồn kho cuối năm có bao gồm giá trị của các vật tư, thiết bị dự phòng và vật tư thu hồi thuộc các gói thầu 82, 83, 84 với tổng giá trị là 37.061.053.634 đồng.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí chờ phân bổ	14.129.317	-
Chi phí lãi vay trả trước	-	14.900.000.000
Cộng	<u>14.129.317</u>	<u>14.900.000.000</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế nhà thầu	224.316.271	-
Cộng	<u>224.316.271</u>	<u>-</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	296.875.004	600.028.482
Cộng	<u>296.875.004</u>	<u>600.028.482</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.789.765.321.082	1.492.301.017.455	5.953.360.421	333.018.969	49.295.454	3.288.402.013.381
Tăng trong năm	-	387.594.000	-	330.547.636	-	718.141.636
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.789.765.321.082	1.492.688.611.455	5.953.360.421	663.566.605	49.295.454	3.289.120.155.017
Khấu hao						
Số đầu năm	102.145.972.452	157.390.628.543	2.960.477.836	256.002.225	9.037.490	262.762.118.546
Khấu hao trong năm	62.253.131.160	89.642.109.054	632.248.812	40.020.273	9.859.080	152.577.368.379
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	164.399.103.612	247.032.737.597	3.592.726.648	296.022.498	18.896.570	415.339.486.925
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.687.619.348.630	1.334.910.388.912	2.992.882.585	77.016.744	40.257.964	3.025.639.894.835
Số cuối năm	1.625.366.217.470	1.245.655.873.858	2.360.633.773	367.544.107	30.398.884	2.873.780.668.092

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	45.000.000	45.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	45.000.000	45.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	45.000.000	45.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 45.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thủy điện Đắk Đring 2	4.256.335.259	4.256.335.259
Thủy điện Sơn Hà	13.614.000	13.614.000
Dự án CDM A Lưới	430.115.909	430.115.909
Cộng	<u>4.700.065.168</u>	<u>4.700.065.168</u>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.206.001.459	8.526.268.555
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	882.685.988	531.009.797
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp An Đồn (i)	1.230.624.855	1.273.182.483
Cộng	<u>11.319.312.302</u>	<u>10.330.460.835</u>

(i) Là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng từ ngày 14/7/2005 đến 21/9/2043 (39 năm) với diện tích 4.000 m² để xây dựng Văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 44/HĐ-TLĐ ngày 14/07/2005 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung và Công ty TNHH Massda Land.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	170.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	150.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>170.000.000.000</u>	<u>140.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.248.804.669	4.718.892.525
Thuế thu nhập cá nhân	48.156.914	185.886.070
Thuế tài nguyên	7.606.804.205	2.303.941.525
Các loại thuế khác	-	651.202.160
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.423.521.190	12.313.487.310
Cộng	<u>31.327.286.978</u>	<u>20.173.409.590</u>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí công trình NM thủy điện A Lưới (ii)	86.933.109.515	146.967.860.563
Cộng	<u>86.933.109.515</u>	<u>146.967.860.563</u>

(ii) Công ty đang trích trước chi phí xây dựng của công trình Nhà máy Thủy điện A Lưới theo Tờ trình số 1535/EVN/CHP ngày 13/12/2013 của Tổng Giám đốc Công ty về việc quyết toán vốn và kế hoạch thanh toán tiền giữ lại cho các nhà thầu thi công dự án Nhà máy thủy điện A Lưới và Quyết định số 411/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 17/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về việc Tạm phê duyệt giá trị Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện A Lưới. Theo đó, Công ty đã lập Bảng tính xác định tổng mức đầu tư theo các hợp đồng xây lắp đã ký và tiến độ hợp đồng đến thời điểm hiện nay và tiến hành trích trước theo Quyết định phê duyệt. Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy Thủy điện A Lưới đã được Công ty trích khấu hao trong kỳ theo quy định, số liệu trích trước này sẽ được các nhà thầu xuất hóa đơn tài chính cho Công ty sau khi giá trị quyết toán công trình được duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	23.969.820	25.578.070
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.505.690.378	50.323.378.381
- <i>Vật tư nhà thầu bồi thường</i>	4.442.104.647	-
- <i>Tiền bảo hiểm bồi thường</i>	4.792.071.376	5.074.082.300
- <i>Cổ tức phải trả</i>	8.175.113.700	44.805.780.500
- <i>Phải trả khác</i>	96.400.655	443.515.581
Cộng	<u>17.529.660.198</u>	<u>50.348.956.451</u>

19. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	1.445.223.490.334	1.615.223.490.334
+ <i>Ngân hàng Phát triển V.Nam -CN Thừa Thiên Huế (*)</i>	1.138.223.490.334	1.288.223.490.334
+ <i>Ngân hàng NN & PTNT -CN Sài Gòn (**)</i>	307.000.000.000	327.000.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.445.223.490.334</u>	<u>1.615.223.490.334</u>

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 06/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 15 tháng 9 năm 2008 để đầu tư Dự án thủy điện A Lưới. Theo đó, tổng hạn mức vay: 1.656.091.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/12/2008), lãi suất của Hợp đồng được phân chia theo từng hạng mục của công trình với các mức lãi suất: 6,9%/năm, 8,4%/năm và 11,4%/năm và sẽ được điều chỉnh theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước ở từng thời điểm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

(**) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 1600-LAV-200800752 ngày 30 tháng 9 năm 2008 để thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng và các chi phí khác có liên quan đến việc đầu tư Dự án thủy điện A Lưới tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, tổng hạn mức vay: 367.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng 2,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	1.200.000.000.000	(265.296.519)	-	-	(6.956.706.071)
Tăng trong năm	-	-	11.900.813.629	5.950.406.814	125.964.842.356
Giảm trong năm	-	-	-	-	82.516.505.213
Số dư tại 31/12/2013	1.200.000.000.000	(265.296.519)	11.900.813.629	5.950.406.814	36.491.631.072
Số dư tại 01/01/2014	1.200.000.000.000	(265.296.519)	11.900.813.629	5.950.406.814	36.491.631.072
Tăng trong năm	-	-	21.306.968.894	10.653.484.447	213.069.688.936
Giảm trong năm	-	-	-	-	78.048.589.343
Số dư tại 31/12/2014	1.200.000.000.000	(265.296.519)	33.207.782.523	16.603.891.261	171.512.730.665

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu thường	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu thường	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	36.491.631.072	(6.956.706.071)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	213.069.688.936	125.964.842.356
Phân phối lợi nhuận	78.048.589.343	82.516.505.213
Phân phối lợi nhuận năm trước	36.000.000.000	-
- Thuế TNDN bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông	36.000.000.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	42.048.589.343	82.516.505.213
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.653.484.447	5.950.406.814
- Trích quỹ đầu tư phát triển	21.306.968.894	11.900.813.629
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.588.136.002	4.165.284.770
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000	500.000.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	-	60.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	171.512.730.665	36.491.631.072

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Công ty thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-EVNCHP-ĐHCĐ ngày 14/03/2014 và tạm phân phối lợi nhuận năm nay theo Quyết định Hội đồng quản trị số 444/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 08/01/2015.

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty số 01/2014/NQ-EVNCHP-ĐHCĐ ngày 14/03/2014 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2013 bằng tiền theo tỷ lệ 8%/vốn điều lệ tương ứng 96.000.000.000 đồng. Theo đó, sau khi trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2013 là 5%, tương ứng 60.000.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức còn lại là 3%, tương ứng 36.000.000.000 đồng kể từ ngày 24/04/2014.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	626.484.328.598	528.414.619.633
Cộng	<u>626.484.328.598</u>	<u>528.414.619.633</u>

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	225.688.342.944	197.393.358.156
Cộng	<u>225.688.342.944</u>	<u>197.393.358.156</u>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.066.242.621	9.180.212.657
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.299	-
Cộng	<u>8.066.365.920</u>	<u>9.180.212.657</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****24. Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	167.204.294.239	190.650.204.414
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	245.789.719
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	250.186	170.613
Cộng	<u>167.204.544.425</u>	<u>190.896.164.746</u>

25. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị bảo hiểm bồi thường	4.087.076.235	-
Phạt thi công chậm tiến độ	1.984.396.247	-
Bán hồ sơ mời thầu	20.000.000	-
Thu nhập từ bán thanh lý vật tư thu hồi	819.658.477	357.159.226
Thu nhập khác	60.021.514	18.000.000
Cộng	<u>6.971.152.473</u>	<u>375.159.226</u>

26. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí giám định bán vật tư	15.138.273	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	357.159.226
Chi phí hoạt động bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	19.354	56.563.127
Cộng	<u>15.157.627</u>	<u>413.722.353</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.069.688.936	125.964.842.356
- Lợi nhuận của hoạt động SXKD chính	213.069.688.936	125.964.842.356
- Lợi nhuận của hoạt động khác	-	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	6.473.060.656	(5.852.535.458)
Điều chỉnh tăng	6.473.060.656	552.170.613
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	552.000.000	552.000.000
- Chi phí không hợp lệ	5.920.810.470	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	250.186	170.613
Điều chỉnh giảm (Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện)	-	6.404.706.071
- Chuyển lỗ năm trước	-	6.404.706.071
Tổng thu nhập chịu thuế	219.542.749.592	120.112.306.898
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động SXKD chính	219.542.749.592	120.112.306.898
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.954.274.959	12.011.230.690
Thuế TNDN được miễn theo ưu đãi đầu tư	21.954.274.959	12.011.230.690
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	213.069.688.936	125.964.842.356

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	213.069.688.936	125.964.842.356
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	213.069.688.936	125.964.842.356
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	120.000.000	120.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.776	1.050

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.716.308.866	2.050.046.120
Chi phí nhân công	33.421.260.897	26.347.403.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.577.368.379	149.932.367.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.620.971.357	11.748.231.972
Chi phí khác bằng tiền	64.896.546.504	30.617.212.584
Cộng	261.232.456.003	220.695.262.061

30. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nhiên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng. Với đặc thù sản xuất điện năng tại Việt Nam, khách hàng duy nhất của công ty là Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hiện nay Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang khó khăn về vốn nên chậm thanh toán tiền điện; Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự báo thời gian chậm thanh toán tiền điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ không kéo dài.

Tiền gửi ngắn hạn của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Huế, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP An Bình Đà Nẵng và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng). Hơn nữa, các khoản tiền gửi tại các ngân hàng hiện nay đều được bảo hiểm.

Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	170.000.000.000	1.445.223.490.334	1.615.223.490.334
Phải trả người bán	131.698.226.644	-	131.698.226.644
Chi phí phải trả	86.933.109.515	-	86.933.109.515
Phải trả khác	8.271.514.355	-	8.271.514.355
Cộng	396.902.850.514	1.445.223.490.334	1.842.126.340.848

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	140.000.000.000	1.615.223.490.334	1.755.223.490.334
Phải trả người bán	176.286.809.659	-	176.286.809.659
Chi phí phải trả	146.967.860.563	-	146.967.860.563
Phải trả khác	45.249.296.081	-	45.249.296.081
Cộng	508.503.966.303	1.615.223.490.334	2.123.727.456.637

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	115.109.134.402	-	115.109.134.402
Phải thu khách hàng	263.927.703.147	-	263.927.703.147
Phải thu khác	158.764.102	-	158.764.102
Cộng	379.195.601.651	-	379.195.601.651



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	117.109.954.647	-	117.109.954.647
Phải thu khách hàng	179.670.224.113	-	179.670.224.113
Phải thu khác	408.994.592	-	408.994.592
Cộng	297.189.173.352	-	297.189.173.352

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ đông sáng lập
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông sáng lập
Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	Cổ đông sáng lập
Công ty mua bán điện	Đơn vị phụ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan: Các giao dịch trọng yếu phát sinh với các bên liên quan trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán điện		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	626.484.328.598	528.414.619.633



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	263.775.218.580	179.517.739.546

d. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.230.902.506	1.019.893.204
Thù lao của Hội đồng quản trị	480.000.000	480.000.000

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trương Công Giới

Huỳnh Mai

Nguyễn Thế Nhật

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015